

### DIALOG ČÍSLO 0

[Žena]: Davide, ahoj! Ty máš nové boty, ne!?

[Muž]: Ahoj Lenko. No jó, mám.

[Žena]: Kde sis je koupil?

[Muž]: V obchodě na rohu ulice.

[Žena]: Aha, a nejsou ti malé? Špatně chodíš.

[Muž]: Ne, ale bolí mě noha. Spadl jsem včera v parku z kola. Právě se vracím z opravny.

[Žena]: Ukaž tu nohu. ... Vypadá to špatně. Potřebuješ doktora!

### HỘI THOẠI SỐ 0

[Žena]: Davide, ahoj! Cậu có đôi giày mới, phải không!?

[Muž]: Ahoj Lenko. Đúng vậy, tôi có.

[Žena]: Cậu mua ở đâu vậy?

[Muž]: Ở cửa hàng góc phố.

[Žena]: Aha, thế giày có chặt với cậu không? Trông cậu đi lại hơi khó khăn.

[Muž]: Không, nhưng tôi bị đau chân. Hôm qua tôi ngã xe đạp ở công viên. Hiện tôi vừa mới trở về từ phòng khám.

[Žena]: Đưa chân cho mình xem nào. ... Trông thật tồi tệ. Cậu cần khám bác sĩ ngay!

## DIALOG ČÍSLO 1

[Žena]: Dobrý den, pane Topile, tady Fárová, pracovní agentura Labora. Volám kvůli vašemu registračnímu formuláři.

[Muž]: Dobrý den, ano, poslal jsem vám ho poštou minulý týden. Mám i podací lístek.

[Žena]: Ano, děkuju, ten formulář mám tady. Ale chybí tam vaše fotografie.

[Muž]: Aha – a můžu ji přinést osobně? Třeba ve středu ráno?

[Žena]: Určitě. Jinak tady, jak se dívám, máte všechno, podpis i číslo účtu.

## HỘI THOẠI SỐ 1

[Žena]: Dobrý den, pane Topile, tady Fárová, công ty môi giới việc làm Labora. Tôi gọi vì đơn đăng ký của ông.

[Muž]: Dobrý den, ano, tôi đã gửi nó đi bằng đường bưu điện tuần trước. Tôi có cả chứng từ đã gửi ở đây.

[Žena]: Ano, děkuju, cái đơn hiện đang ở đây. Nhưng lại thiếu mất ảnh của ông.

[Muž]: Aha – tôi có thể mang nó tới trực tiếp được không? Sáng thứ 4 chẳng hạn?

[Žena]: Tất nhiên. Còn lại thì theo tôi thấy mọi thứ của ông đều đầy đủ, kể cả chữ ký lẫn số tài khoản ngân hàng.

## DIALOG ČÍSLO 2

[Žena 1]: To jste vy, paní Holubová?

[Žena 2]: Dobrý den, ano, to jsem já. Potřebujete něco, paní Kopecká?

[Žena 1]: Už jste byla na poště pro ten můj balík?

[Žena 2]: Ano, teď jsem v kadeřnictví a pak vám ještě zajdu pro léky do lékárny.

[Žena 1]: A nemůžete se stavit ještě v drogerii? Je to hned vedle. Potřebuju šampon na vlasy

## HỘI THOẠI SỐ 2

[Žena 1]: Là bà phải không, paní Holubová?

[Žena 2]: Dobrý den, ano, là tôi đây. Bà có cần gì không, paní Kopecká?

[Žena 1]: Bà đã tới bưu điện lấy kiện hàng của tôi chưa?

[Žena 2]: Ano, hiện giờ thì tôi đang ở quán cắt tóc và sau đó tôi sẽ đi mua thuốc ở hiệu thuốc cho bà nữa.

[Žena 1]: Bà có thể ghé thêm vào cửa hiệu tạp hóa được không? Nó ở ngay bên cạnh luôn. Tôi cần dầu gội đầu.

### DIALOG ČÍSLO 3

[Žena]: Dobrý den, obecní úřad, Mourková.

[Muž]: Dobrý den. Tady Horák. Potřeboval bych přihlásit psa. Co k tomu potřebuju?

[Žena]: Váš občanský průkaz nebo pas a očkovací průkaz psa od vašeho veterináře.

[Muž]: A musím něco platit?

[Žena]: Ano, v pokladně zaplatíte poplatek 400 korun.

[Muž]: Děkuju za informace.

[Žena]: Není zač.

### HỘI THOẠI SỐ 3

[Žena]: Dobrý den, ủy ban, Mourková.

[Muž]: Dobrý den. Tady Horák. Tôi cần đăng ký cho con chó . Thế tôi cần phải có những gì?

[Žena]: Thẻ chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của anh và thẻ tiêm chủng của con chó từ bác sĩ thú y.

[Muž]: Thế có phải mất phí gì không?

[Žena]: Ano, tại nơi tính tiền anh phải trả lệ phí 400 Kc.

[Muž]: Cảm ơn cô vì đã cung cấp thông tin.

[Žena]: Không có gì.

#### DIALOG ČÍSLO 4

[Žena]: Co budeš teď dělat, Martine? Budeš uklízet pokoj?

[Muž]: Ne, osprchuju se a podívám se na fotbal. Pokoj uklidím až po fotbale.

[Žena]: Už jsi koupil nějaký dárek na sobotu? Půjdeme na návštěvu k Martě.

[Muž]: Ještě ne, ale určitě koupím červené víno. Má ho ráda.

[Žena]: Dobře, tak já koupím něco k tomu vínu.

#### HỘI THOẠI SỐ 4

[Žena]: Bây giờ cậu sẽ làm gì, Martine? Cậu sẽ dọn dẹp phòng hả?

[Muž]: Ne, tôi sẽ đi tắm và sau đó xem bóng đá. Phòng tôi sẽ dọn dẹp sau trận bóng.

[Žena]: Cậu đã mua quà gì cho ngày thứ 7 chưa? Chúng ta sẽ tới chơi nhà Marta.

[Muž]: Vẫn chưa, nhưng chắc chắn tôi sẽ mua rượu vang đỏ. Đó là thứ cô ấy thích.

[Žena]: Được rồi, vậy thì tôi sẽ mua thứ gì đó hợp với chai rượu vang.

## DIALOG ČÍSLO 5

[Žena]: Dobrý den, tady Klánová. Volám kvůli rozbité pračce. Mám značku AGA.

[Muž]: Dobře, já můžu přijít buď v úterý v jedenáct, nebo ve středu ve tři.

[Žena]: V úterý určitě ne, pracuju ve škole a dopoledne učím.

A ve středu odpoledne taky ne, jdu do nemocnice, pak musím s autem do servisu a budu doma asi až v pět večer.

[Muž]: No, pak už můžu nabídnout jen čtvrtek v šest večer.

[Žena]: Výborně. To se mi hodí. Budu vás čekat ve čtvrtek večer.

[Muž]: Ještě potřebuju vaši adresu, prosím.

## HỘI THOẠI SỐ 5

[Žena]: Dobrý den, tady Klánová. Tôi gọi vì chiếc máy giặt bị hư. Máy của hãng AGA.

[Muž]: Được rồi, tôi có thể tới vào thứ 3 lúc 11 giờ, hoặc thứ 4 vào lúc 3 giờ.

[Žena]: Thứ 3 thì chắc chắn không được, tôi làm việc ngoài trường và dạy vào buổi sáng.

Và chiều thứ 4 cũng không được, tôi phải vào bệnh viện, và sau đó tôi phải đi bảo trì xe và sẽ về tới nhà tầm 5 giờ tối.

[Muž]: Vậy thì tôi chỉ có thể cho bà lịch hẹn vào thứ 4 lúc 6 giờ tối.

[Žena]: Tuyệt vời. Rất phù hợp với tôi. Tôi sẽ chờ anh tối thứ 4.

[Muž]: Tôi sẽ cần thêm địa chỉ của bà.